BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀ GỌI NHẬP HỌC HỆ ĐẠI HỌC VĂN BẰNG THỨ HAI CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP * KHÓA B17 (2011-2013)

STT	MÃ SV	HỌ VÀ	TÊN	Toán cao cấp C	Nói và trình bày (tiếng Việt)	Viết (tiếng Việt)	Lý thuyết Xác suất và Thống kê	Tin học ứng dụng	Anh Ngữ Trung Cấp 1	Anh Ngữ Trung Cấp 2	Kỹ năng xin việc	Căn bản kinh tế vi mô	Căn bản kinh tế vĩ mô	Nguyên lý kế toán 1	Quản trị học	Nguyên lý kế toán 2	Tiếp thị căn bản	Hệ thống thông tin kế toán	Quản trị tài chính 1	Quản trị nhân lực	Quản trị hoạt động và sản xuất	Kế toán quản trị 1	Kế toán tài chính 1	Kế toán quản trị 2	Kế toán tài chính 2	Kiểm toán căn bản	Cơ sở luật kinh tế	Quản trị chiến lược	Phân tích hoạt động kinh doanh	Kế toán hành chính sự nghiệp	Phân tích báo cáo tài chính	Kế toán tài chính thương mại	Kế toán tài chính nâng cao	Thực tập tốt nghiệp	TBT HỌC TẬP
				3	2	2	3	3	2	2	2	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	2	3	2	3	5	
1	172324006	Nguyễn Thị Phương	Chi	0.0	8.7	7.4	0.0	8.5	9.3	8.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.3	7.6	0.0	8.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
2	172324009	Trần Thị Ngọc	Diệp	0.0	8.5	7.8	0.0	7.6	8.9	8.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8.2	7.9	0.0	9.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
3	172324012	Trần Bá Khánh	Duy	0.0	7.8	8.0	0.0	6.9	6.7	6.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.1	0.0	7.7	8.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
4	172324016	Hầu Thị Anh	Đào	0.0	8.9	8.4	0.0	7.4	9.5	9.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8.0	0.0	0.0	8.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
5	172324018	Nguyễn Bá Minh	Đạt	0.0	8.2	3.8	0.0	7.3	8.2	7.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	6.3	0.0	0.0	7.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
6	172324024	Võ Thị Thanh	Hải	0.0	8.6	8.0	0.0	7.9	8.5	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.4	0.0	7.4	6.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
7	172324025	Huỳnh Thị	Hạnh	0.0	8.8	8.2	0.0	9.7	7.6	8.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.8	7.4	9.1	8.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
8	172324027	Bùi Thị Lệ	Hằng	0.0	8.4	7.2	0.0	7.8	8.4	8.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8.0	0.0	0.0	9.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
9	172324033	Đặng Văn	Hiếu	0.0	8.0	6.0	0.0	7.3	8.4	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	6.1	0.0	0.0	6.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
10	172324034	Trần Thị Lệ	Hiếu	0.0	8.8	7.2	0.0	8.8	9.2	9.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.7	0.0	0.0	9.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
11	172324041	Nguyễn Thị	Huyền	0.0	8.2	7.2	0.0	8.6	7.9	8.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8.2	0.0	7.6	6.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
12	172324047	Nguyễn Tấn	Khoa	0.0	7.9	6.1	0.0	6.0	7.0	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	6.2	0.0	0.0	7.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
13	172324051	Đoàn Thị Bích	Liên	0.0	9.1	7.0	0.0	8.2	8.6	7.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	6.2	0.0	7.7	6.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
14	172324059	Hoàng Xuân	Minh	0.0	8.7	7.5	0.0	8.4	8.8	9.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	5.7	7.9	7.5	8.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
15	172324063	Phan Lê	Na	0.0	9.2	8.0	0.0	9.6	8.3	7.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8.3	0.0	8.7	8.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
16	172324067	Võ Thị Bảo	Ngọc	0.0	9.0	7.0	0.0	8.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
17	172324087	Phan Ngọc	Thạch	0.0	9.0	7.0	0.0	8.0	7.1	7.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	6.7	5.8	8.7	7.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
18	172324090	Lê Thị Hiếu	Thảo	0.0	8.8	8.2	0.0	9.7	8.6	8.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.9	0.0	8.1	8.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
19	172324096	Đoàn Nữ Thuận	Thiên	0.0	9.4	8.1	0.0	9.5	8.2	8.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.9	8.8	7.9	8.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
20	172324008	Nguyễn Thị Hữu	Chữ	0.0	0.0	7.9	0.0	9.5	0.0	0.0	0.0	7.9	7.9	7.6	7.9	6.5	0.0	0.0	0.0	7.7	0.0	0.0	6.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
21	172324013	Hồ Thị Xuân	Duyên	0.0	8.9	7.0	0.0	7.0	0.0	0.0	0.0	8.4	8.4	8.2	7.6	7.9	0.0	0.0	8.0	7.9	0.0	0.0	5.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
22	172324015	Nguyễn Thị Thùy	Dương	0.0	8.3	7.5	0.0	9.0	0.0	0.0	0.0	8.4	8.6	8.8	8.8	9.3	0.0	0.0	9.0	8.3	0.0	0.0	7.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
23	172324019	Phan Quốc	Đạt	0.0	8.0	6.7	0.0	8.9	0.0	0.0	0.0	7.6	8.3	6.8	7.3	6.3	0.0	0.0	5.2	7.7	0.0	0.0	5.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
24	172324023	Vũ Thái	Hà	0.0	8.1	7.9	0.0	9.0	0.0	0.0	0.0	8.2	8.0	7.4	7.9	7.8	0.0	0.0	8.9	8.3	0.0	0.0	7.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
25	172324031	Nguyễn Bá	Hân	0.0	8.2	8.0	0.0	9.1	0.0	0.0	0.0	7.5	8.5	9.4	7.3	9.2	0.0	0.0	7.9	8.8	0.0	0.0	7.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
26	172324039	Đỗ Thị	Huệ	0.0	7.7	6.5	0.0	8.7	0.0	0.0	0.0	7.6	8.2	8.2	8.6	9.2	0.0	0.0	8.0	8.4	0.0	0.0	7.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
27	172324053	Hoàng Thị Thùy	Linh	0.0	8.2	7.6	0.0	9.4	0.0	0.0	0.0	7.9	8.8	7.5	7.8	9.1	0.0	0.0	6.5	8.5	0.0	0.0	7.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
28	172324055	Nguyễn Phước	Linh	0.0	9.6	8.4	0.0	9.1	0.0	0.0	0.0	8.4	7.4	8.3	7.7	8.5	0.0	0.0	7.0	8.3	0.0	0.0	7.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀ GỌI NHẬP HỌC HỆ ĐẠI HỌC VĂN BẰNG THỨ HAI CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP * KHÓA B17 (2011-2013)

STT	MÃ SV	HỌ VÀ	TÊN	Toán cao cấp C	Nói và trình bày (tiếng Việt)	Viết (tiếng Việt)	Lý thuyết Xác suất và Thống kê	Tin học ứng dụng	Anh Ngữ Trung Cấp 1	Anh Ngữ Trung Cấp 2	Kỹ năng xin việc	Căn bản kinh tế vi mô	Căn bản kinh tế vĩ mô	Nguyên lý kế toán 1	Quản trị học	Nguyên lý kế toán 2	Tiếp thị căn bản	Hệ thống thông tin kế toán	Quản trị tài chính 1	Quản trị nhân lực	Quản trị hoạt động và sản xuất	Kế toán quản trị 1	Kế toán tài chính 1	Kế toán quản trị 2	Kế toán tài chính 2	Kiểm toán căn bản	Cơ sở luật kinh tế	Quản trị chiến lược	Phân tích hoạt động kinh doanh	Kế toán hành chính sự nghiệp	Phân tích báo cáo tài chính	Kế toán tài chính thương mại	Kế toán tài chính nâng cao	Thực tập tốt nghiệp	TBT HỌC TẬP
				3	2	2	3	3	2	2	2	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	2	3	2	3	5	
29	172324060	Nguyễn Anh	Minh	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
30	172324062	Nguyễn Diệu	My	0.0	8.4	7.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8.2	7.8	9.2	7.7	8.5	0.0	0.0	7.5	5.9	0.0	0.0	6.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
31	172324068	Nguyễn Ngọc Hải	Nguyên	0.0	8.7	8.2	0.0	10.0	0.0	0.0	0.0	8.0	8.2	8.0	7.2	7.5	0.0	0.0	7.6	8.1	0.0	0.0	6.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
32	172324069	Nguyễn Thị Ánh	Nguyệt	0.0	8.0	8.4	0.0	9.2	0.0	0.0	0.0	8.9	8.6	8.5	7.5	6.9	0.0	0.0	6.6	7.8	0.0	0.0	5.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
33	172324074	Phan Thị Kim	Oanh	0.0	8.8	8.4	0.0	7.8	0.0	0.0	0.0	8.3	7.8	9.2	8.1	7.2	0.0	0.0	6.6	8.1	0.0	0.0	7.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
34	172324077	Võ Thị Lan	Phương	0.0	8.7	8.0	0.0	8.9	0.0	0.0	0.0	8.1	7.7	7.8	7.4	7.7	0.0	0.0	5.9	8.1	0.0	0.0	6.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
35	172324098	Vũ Thị Thanh	Thùy	0.0	8.3	7.9	0.0	8.7	0.0	0.0	0.0	8.1	6.8	7.9	7.4	8.3	0.0	0.0	6.7	7.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
36	172324099	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	0.0	8.7	7.7	0.0	8.8	0.0	0.0	0.0	7.8	6.8	7.9	6.9	8.3	0.0	0.0	7.9	7.6	0.0	0.0	6.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
37	172324103	Phùng Văn	Tình	0.0	8.1	7.9	0.0	8.6	0.0	0.0	0.0	8.5	6.9	6.6	7.0	6.3	0.0	0.0	6.8	7.0	0.0	0.0	6.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
38	172324104	Lê Thị Hoài	Trang	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8.2	0.0	8.9	7.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
39	172324107	Nguyễn Thị Huyền	Trang	0.0	9.6	8.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8.6	8.8	9.1	8.5	9.0	0.0	0.0	6.8	7.8	0.0	0.0	8.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
40	172324108	Nguyễn Thị Thu	Trang	0.0	8.6	8.0	0.0	9.3	0.0	0.0	0.0	8.0	9.0	9.3	7.8	9.2	0.0	0.0	8.1	8.0	0.0	0.0	7.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
41	172324111	Thái Thị Ngọc	Trân	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.9	0.0	6.3	8.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
42	172324112	Lê Kiều	Trinh	0.0	9.2	8.2	0.0	9.8	0.0	0.0	0.0	7.5	7.6	7.8	8.1	8.6	0.0	0.0	8.9	5.2	0.0	0.0	7.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
43	172324113	Nguyễn Thị Minh	Uyên	0.0	8.8	7.7	0.0	9.1	0.0	0.0	0.0	7.8	6.7	9.1	7.3	8.6	0.0	0.0	8.4	6.9	0.0	0.0	7.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
44	172324114	Võ Thị Cẩm	Vân	0.0	8.2	8.3	0.0	9.9	0.0	0.0	0.0	8.4	8.3	8.4	7.9	9.1	0.0	0.0	9.0	8.5	0.0	0.0	7.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
45	172324115	Lê Thị Thảo	Viên	0.0	8.4	8.3	0.0	7.0	0.0	0.0	0.0	8.6	8.7	8.7	7.2	8.8	0.0	0.0	9.0	7.5	0.0	0.0	7.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
46	172324116	Bùi Thị	Xuân	0.0	8.1	7.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8.4	6.2	8.5	7.9	8.3	0.0	0.0	8.9	8.0	0.0	0.0	7.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
47	162320363	Nguyễn Thị Hồng	Việt	0.0	8.4	6.5	0.0	9.6	0.0	0.0	0.0	7.8	6.8	8.4	7.6	8.6	0.0	0.0	0.0	8.0	0.0	0.0	7.7	0.0	0.0	0.0	8.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
48	172324017	Trần Tuyết Anh	Đào	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
49	172324050	Lê Nữ Mai	Lê	0.0	7.3	7.2	6.4	8.5	0.0	0.0	0.0	7.9	7.1	7.7	7.8	6.5	0.0	0.0	8.6	6.7	0.0	0.0	6.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
50	172324054	Hoàng Thùy	Linh	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
51	172324080	Trần Hồng	Quân	0.0	7.5	7.7	0.0	7.7	0.0	0.0	0.0	8.0	7.4	7.1	6.3	6.8	0.0	0.0	7.0	7.2	0.0	0.0	5.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
52	172324106	Mai Thị Thùy	Trang	0.0	8.6	6.8	8.4	8.9	0.0	0.0	0.0	8.2	6.4	9.0	7.2	8.5	0.0	0.0	7.6	6.6	0.0	0.0	6.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
53	172324001	Trần Thị Ly	A	7.8	7.2	8.2	6.9	0.0	0.0	0.0	0.0	8.8	7.5	7.4	7.5	5.9	0.0	0.0	6.5	0.0	0.0	0.0	6.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
54	172324002	Bùi Thị Lan	Anh	6.5	6.1	6.8	0.0	8.1	0.0	0.0	0.0	8.9	8.7	7.1	7.5	4.6	0.0	0.0	5.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
55	172324003	Nguyễn Thị Tuấn	Anh	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
56	172324004	Trần Thị Ngọc	Anh	5.7	7.7	7.3	6.7	8.2	0.0	0.0	0.0	8.8	7.1	7.8	7.4	7.4	0.0	0.0	6.0	0.0	0.0	0.0	6.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀ GỌI NHẬP HỌC HỆ ĐẠI HỌC VĂN BẰNG THỨ HAI CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP * KHÓA B17 (2011-2013)

STT	MÃ SV	HỌ VÀ	TÊN	Toán cao cấp C	Nói và trình bày (tiếng Việt)	Viết (tiếng Việt)	Lý thuyết Xác suất và Thống kê	Tin học ứng dụng	Anh Ngữ Trung Cấp 1	Anh Ngữ Trung Cấp 2	Kỹ năng xin việc	Căn bản kinh tế vi mô	Căn bản kinh tế vĩ mô	Nguyên lý kế toán 1	Quản trị học	Nguyên lý kế toán 2	Tiếp thị căn bản	Hệ thống thông tin kế toán	Quản trị tài chính 1	Quản trị nhân lực	Quản trị hoạt động và sản xuất	Kế toán quản trị 1	Kế toán tài chính 1	Kế toán quản trị 2	Kế toán tài chính 2	Kiểm toán căn bản	Cơ sở luật kinh tế	Quản trị chiến lược	Phân tích hoạt động kinh doanh	Kế toán hành chính sự nghiệp	Phân tích báo cáo tài chính	Kế toán tài chính thương mại	Kế toán tài chính nâng cao	Thực tập tốt nghiệp	TBT HỌC TẬP
				3	2	2	3	3	2	2	2	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	2	3	2	3	5	
57	172324005	Bùi Thị Kim	Chi	7.4	7.7	8.1	6.7	8.1	0.0	0.0	0.0	7.6	7.1	6.6	7.7	6.0	0.0	0.0	5.9	0.0	0.0	0.0	5.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
58	172324007	Võ Hà	Chi	6.1	8.9	8.4	6.1	9.1	0.0	0.0	0.0	7.6	7.1	8.7	8.4	6.4	0.0	0.0	8.2	0.0	0.0	0.0	7.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
59	172324010	Lê Thị Hồng	Diệu	8.8	8.3	7.7	7.2	8.5	0.0	0.0	0.0	8.9	7.1	8.7	8.3	8.3	0.0	0.0	7.9	0.0	0.0	0.0	7.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
60	172324011	Phùng Thị Kim	Dung	4.9	8.1	7.2	0.0	7.9	0.0	0.0	0.0	7.4	8.9	7.2	6.4	4.7	0.0	0.0	6.3	0.0	0.0	0.0	5.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
61	172324014	Lê Thị	Duyên	5.7	8.1	7.5	0.0	8.4	0.0	0.0	0.0	8.7	8.1	7.4	7.2	5.7	0.0	0.0	5.5	0.0	0.0	0.0	5.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
62	172324020	Đoàn Thị	Điểm	7.9	8.1	8.0	8.4	0.0	0.0	0.0	0.0	8.3	6.4	7.4	7.7	8.0	0.0	0.0	7.5	0.0	0.0	0.0	7.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
63	172324021	Nguyễn Thị Nguyệt	Hà	6.7	8.2	5.2	7.3	9.1	0.0	0.0	0.0	8.3	7.2	9.1	8.3	8.9	0.0	0.0	7.3	0.0	0.0	0.0	7.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
64	172324022	Thân Thị Thu	Hà	7.2	7.8	8.0	6.6	0.0	0.0	0.0	0.0	8.7	7.3	7.2	7.9	7.3	0.0	0.0	6.0	0.0	0.0	0.0	6.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
65	172324026	Lê Phạm Nguyên	Hạnh	8.6	8.1	7.9	8.1	8.8	0.0	0.0	0.0	8.4	7.2	7.9	7.9	9.1	0.0	0.0	7.6	0.0	0.0	0.0	7.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
66	172324028	Lê Thị Minh	Hằng	8.6	7.6	7.8	6.5	8.0	0.0	0.0	0.0	7.8	6.7	8.6	7.2	8.2	0.0	0.0	6.5	0.0	0.0	0.0	5.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
67	172324029	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	8.4	8.2	7.8	0.0	9.8	0.0	0.0	0.0	8.5	8.9	8.6	8.4	8.4	0.0	0.0	7.8	0.0	0.0	0.0	6.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
68	172324030	Phạm Thị Thu	Hằng	7.3	7.0	7.6	7.5	7.5	0.0	0.0	0.0	7.4	7.5	7.2	7.5	5.3	0.0	0.0	5.4	0.0	0.0	0.0	6.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
69	172324032	Trần Ngọc Tâm	Hiền	7.7	7.8	8.2	6.9	8.8	0.0	0.0	0.0	8.1	7.7	6.9	7.4	8.2	0.0	0.0	6.3	0.0	0.0	0.0	6.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
70	172324035	Nguyễn Thị	Hoa	6.0	8.0	8.0	6.7	7.8	0.0	0.0	0.0	7.5	7.1	8.5	7.4	8.0	0.0	0.0	6.7	0.0	0.0	0.0	6.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
71	172324036	Trần Thị Kiều	Hoa	7.5	8.0	7.8	8.0	7.9	0.0	0.0	0.0	7.3	6.8	8.5	8.4	6.9	0.0	0.0	5.2	0.0	0.0	0.0	6.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
72	172324037	Bùi Thị Thu	Hoài	8.8	0.0	7.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.9	8.2	8.2	8.4	8.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
73	172324038	Lê Thị Thu	Hồng	7.3	7.7	8.0	7.4	8.8	0.0	0.0	0.0	7.8	6.4	8.6	7.0	6.8	0.0	0.0	8.1	0.0	0.0	0.0	8.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
74	172324040	Lưu Thị	Huệ	7.6	7.8	7.4	7.8	8.3	0.0	0.0	0.0	8.1	7.6	8.5	7.9	6.2	0.0	0.0	7.2	0.0	0.0	0.0	7.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
75	172324042	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	7.8	7.7	7.8	6.0	7.7	0.0	0.0	0.0	8.0	8.4	8.2	7.9	8.5	0.0	0.0	6.0	0.0	0.0	0.0	5.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
76	172324043	Võ Thị	Huyền	6.9	8.1	8.1	6.0	7.9	0.0	0.0	0.0	7.6	7.7	7.7	8.3	8.5	0.0	0.0	5.6	0.0	0.0	0.0	7.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
77	172324044	Huỳnh Thị Diễm	Hương	6.6	7.9	7.8	6.2	0.0	0.0	0.0	0.0	7.3	6.8	9.1	8.0	8.1	0.0	0.0	6.0	0.0	0.0	0.0	5.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
78	172324045	Nguyễn Thị	Hương	8.3	7.7	8.2	8.2	9.6	0.0	0.0	0.0	8.2	8.4	8.2	7.6	8.6	0.0	0.0	7.4	0.0	0.0	0.0	7.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
79	172324046	Nguyễn Thị Hồng	Hương	8.0	7.7	8.0	5.8	8.3	0.0	0.0	0.0	8.3	7.0	7.1	7.8	6.9	0.0	0.0	5.7	0.0	0.0	0.0	4.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
80	172324048	Nguyễn Thị Mỹ	Kim	8.6	8.5	7.8	6.4	8.9	0.0	0.0	0.0	8.7	8.3	7.8	8.1	7.4	0.0	0.0	6.9	0.0	0.0	0.0	7.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
81	172324049	Đoàn Trần Thanh	Lam	6.6	0.0	7.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	6.7	7.6	8.6	7.5	5.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
82	172324052	Dương Hiền	Linh	7.4	9.3	7.9	0.0	8.5	0.0	0.0	0.0	7.6	8.3	8.5	8.2	7.4	0.0	0.0	8.0	0.0	0.0	0.0	6.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
83	172324056	Nguyễn Thị Thùy	Linh	5.8	7.8	7.6	0.0	8.5	0.0	0.0	0.0	8.3	7.8	6.4	5.9	5.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
84	172324057	Phạm Thị	Lương	6.7	8.6	7.6	5.5	8.4	0.0	0.0	0.0	7.5	8.0	8.6	7.8	6.6	0.0	0.0	5.7	0.0	0.0	0.0	7.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀ GỌI NHẬP HỌC HỆ ĐẠI HỌC VĂN BẰNG THỨ HAI CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP * KHÓA B17 (2011-2013)

STT	MÃ SV	HỌ VÀ	TÊN	Toán cao cấp C	Nói và trình bày (tiếng Việt)	Viết (tiếng Việt)	Lý thuyết Xác suất và Thống kê	Tin học ứng dụng	Anh Ngữ Trung Cấp 1	Anh Ngữ Trung Cấp 2	Kỹ năng xin việc	Căn bản kinh tế vi mô	Căn bản kinh tế vĩ mô	Nguyên lý kế toán 1	Quản trị học	Nguyên lý kế toán 2	Tiếp thị căn bản	Hệ thống thông tin kế toán	Quản trị tài chính 1	Quản trị nhân lực	Quản trị hoạt động và sản xuất	Kế toán quản trị 1	Kế toán tài chính 1	Kế toán quản trị 2	Kế toán tài chính 2	Kiểm toán căn bản	Cơ sở luật kinh tế	Quản trị chiến lược	Phân tích hoạt động kinh doanh	Kế toán hành chính sự nghiệp	Phân tích báo cáo tài chính	Kế toán tài chính thương mại	Kế toán tài chính nâng cao	Thực tập tốt nghiệp	TBT HỌC TẬP
				3	2	2	3	3	2	2	2	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	2	3	2	3	5	
85	172324058	Phạm Thị Tuyết	Mai	6.7	0.0	8.4	0.0	0.0	0.0	0.0	7.7	7.9	7.0	6.4	7.2	6.8	0.0	0.0	5.9	0.0	0.0	0.0	6.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
86	172324061	Phan Thị Nguyệt	Minh	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.6	0.0	8.2	7.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
87	172324064	Lê Thị	Ngà	7.0	7.9	7.7	6.8	8.4	0.0	0.0	0.0	6.4	7.0	7.2	6.9	7.2	0.0	0.0	6.1	0.0	0.0	0.0	6.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
88	172324065	Nguyễn Thị Kim	Ngân	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
89	172324066	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	7.3	8.7	7.9	0.0	8.2	0.0	0.0	0.0	8.2	6.9	7.4	8.5	6.1	0.0	0.0	7.7	0.0	0.0	0.0	7.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
90	172324070	Nguyễn Thị Mỹ	Nhân	8.6	7.9	8.0	7.6	8.4	0.0	0.0	0.0	7.6	6.3	8.9	8.2	8.0	0.0	0.0	6.8	0.0	0.0	0.0	7.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
91	172324071	Trần Thị	Nhung	6.8	7.8	8.0	6.0	7.9	0.0	0.0	0.0	7.1	7.7	7.2	7.4	6.8	0.0	0.0	5.5	0.0	0.0	0.0	4.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
92	172324072	Nguyễn Thị	Nụ	6.8	8.1	7.7	6.4	0.0	0.0	0.0	0.0	8.1	7.4	7.7	8.4	7.1	0.0	0.0	5.4	0.0	0.0	0.0	5.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
93	172324073	Bùi Thị Tố	Oanh	7.1	8.2	8.3	5.6	7.5	0.0	0.0	0.0	7.5	7.7	0.0	5.6	5.1	0.0	0.0	5.9	0.0	0.0	0.0	7.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
94	172324075	Bùi Nguyên Vy	Phương	8.3	8.0	7.8	8.9	8.4	0.0	0.0	0.0	7.7	8.2	8.5	8.8	8.4	0.0	0.0	6.8	0.0	0.0	0.0	6.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
95	172324076	Dương Thị Mai	Phương	6.5	7.9	8.1	8.0	8.7	0.0	0.0	0.0	8.8	7.8	8.1	8.8	6.4	0.0	0.0	6.4	0.0	0.0	0.0	7.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
96	172324078	Phan Quỳnh Minh	Phượng	9.0	8.5	0.0	9.2	9.6	0.0	0.0	0.0	8.7	8.2	9.4	9.5	9.2	0.0	0.0	8.5	0.0	0.0	0.0	7.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
97	172324079	Trịnh Thị	Phượng	8.5	7.8	8.0	0.0	9.4	0.0	0.0	0.0	8.1	7.6	7.8	7.9	7.2	0.0	0.0	6.6	0.0	0.0	0.0	7.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
98	172324081	Phan Thị Bích	Quy	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8.2	0.0	7.0	7.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
99	172324082	Hà Thị	Quỳnh	6.0	6.9	6.4	0.0	8.5	0.0	0.0	0.0	8.2	8.2	8.0	8.2	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
100	172324083	Hồ Thị Hải	Quỳnh	5.8	5.8	7.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.7	7.6	7.4	7.7	5.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
101	172324084	Trịnh Thị	Sáu	6.4	7.4	7.6	5.9	8.1	0.0	0.0	0.0	8.3	8.2	7.0	7.9	5.7	0.0	0.0	5.9	0.0	0.0	0.0	6.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
102	172324085	Võ Thị Thu	Sương	7.6	8.1	7.8	6.5	8.8	0.0	0.0	0.0	8.0	8.2	8.2	8.8	7.5	0.0	0.0	7.4	0.0	0.0	0.0	7.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
103	172324086	Đoàn Thị Ngọc	Tâm	7.8	7.7	7.0	6.8	0.0	0.0	0.0	0.0	6.2	7.5	8.6	7.7	8.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	4.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
104	172324088	Nguyễn Thị Phương	Thanh	5.9	0.0	7.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8.7	6.8	8.6	8.2	7.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
105	172324089	Hà Thị Vĩnh	Thảo	6.6	8.6	8.0	0.0	7.8	0.0	0.0	0.0	8.3	7.7	6.4	7.5	6.3	0.0	0.0	6.4	0.0	0.0	0.0	6.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
106	172324091	Lê Thị Thu	Thảo	6.1	7.4	8.2	8.5	8.0	0.0	0.0	0.0	8.5	8.2	6.0	6.6	5.4	0.0	0.0	6.9	0.0	0.0	0.0	5.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
107	172324092	Nguyễn Thị Phương	Thảo	8.6	7.7	8.0	6.7	8.4	0.0	0.0	0.0	7.7	7.2	9.4	8.3	8.7	0.0	0.0	7.0	0.0	0.0	0.0	7.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
108	172324093	Trần Thị Nguyên	Thảo	7.1	8.1	8.1	6.2	8.2	0.0	0.0	0.0	7.5	7.1	8.2	8.6	6.4	0.0	0.0	6.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
109	172324094	Hà Thị	Thêu	8.9	8.4	7.9	9.0	9.2	0.0	0.0	0.0	8.6	8.4	8.4	8.2	8.1	0.0	0.0	7.3	0.0	0.0	0.0	7.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
110	172324095	Trần Thị Xuân	Thi	8.1	8.0	7.9	5.8	8.4	0.0	0.0	0.0	7.9	7.6	8.4	8.2	7.4	0.0	0.0	7.4	0.0	0.0	0.0	6.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
111	172324097	Lê Thị Ngọc	Thu	8.9	8.8	7.9	6.3	9.4	0.0	0.0	0.0	8.0	7.4	8.5	8.7	7.4	0.0	0.0	6.5	0.0	0.0	0.0	7.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
112	172324100	Hoàng Thị	Thúy	7.9	0.0	7.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	7.7	7.1	8.8	8.3	7.3	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH TRÚNG TUYỂN VÀ GỌI NHẬP HỌC HỆ ĐẠI HỌC VĂN BẰNG THỨ HAI CHÍNH QUY
CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP * KHÓA B17 (2011-2013)

STT	MÃ SV	HỌ VÀ	TÊN	Toán cao cấp C	Nói và trình bày (tiếng Việt)	Viết (tiếng Việt)	Lý thuyết Xác suất và Thống kê	Tin học ứng dụng	Anh Ngữ Trung Cấp 1	Anh Ngữ Trung Cấp 2	Kỹ năng xin việc	Căn bản kinh tế vi mô	Căn bản kinh tế vĩ mô	Nguyên lý kế toán 1	Quản trị học	Nguyên lý kế toán 2	Tiếp thị căn bản	Hệ thống thông tin kế toán	Quản trị tài chính 1	Quản trị nhân lực	Quản trị hoạt động và sản xuất	Kế toán quản trị 1	Kế toán tài chính 1	Kế toán quản trị 2	Kế toán tài chính 2	Kiểm toán căn bản	Cơ sở luật kinh tế	Quản trị chiến lược	Phân tích hoạt động kinh doanh	Kế toán hành chính sự nghiệp	Phân tích báo cáo tài chính	Kế toán tài chính thương mại	Kế toán tài chính nâng cao	Thực tập tốt nghiệp	TBT HỌC TẬP
				3	2	2	3	3	2	2	2	3	3	3	2	3	3	3	3	3	3	2	2	3	3	3	3	3	3	2	3	2	3	5	
113	172324101	Nguyễn Anh	Thư	8.8	7.9	7.9	7.9	8.7	0.0	0.0	0.0	7.5	6.5	9.4	8.7	7.1	0.0	0.0	7.4	0.0	0.0	0.0	7.1	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
114	172324102	Văn Hồ Thị Hoài	Thương	9.4	8.4	8.0	7.2	8.8	0.0	0.0	0.0	7.4	6.6	9.1	8.4	9.1	0.0	0.0	7.5	0.0	0.0	0.0	8.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
115	172324105	Lê Thị Huyền	Trang	9.6	8.7	8.4	8.4	9.6	0.0	0.0	0.0	8.3	9.2	8.9	8.5	8.9	0.0	0.0	8.7	0.0	0.0	0.0	7.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
116	172324109	Trần Thị	Trang	7.2	7.9	7.7	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	8.0	8.2	7.7	7.5	7.3	0.0	0.0	6.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
117	172324110	Võ Thị Thu	Trang	9.3	8.3	8.2	7.1	8.9	0.0	0.0	0.0	7.3	9.1	9.0	8.2	9.1	0.0	0.0	9.1	0.0	0.0	0.0	7.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
118	172324117	Nguyễn Thị	Xuân	8.3	7.6	8.2	6.9	8.3	0.0	0.0	0.0	7.9	7.8	8.4	7.8	6.9	0.0	0.0	6.3	0.0	0.0	0.0	6.6	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
119	172324118	Đặng Thị Phi	Yến	9.1	7.6	7.9	8.8	8.6	0.0	0.0	0.0	8.5	7.4	8.8	7.5	8.5	0.0	0.0	7.4	0.0	0.0	0.0	6.9	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
120	162320349	Lương Thị	Trang	8.7	8.4	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	6.2	5.6	7.1	7.4	6.0	0.0	0.0	0.0	0.0	6.1	0.0	5.8	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
121	162320326	Nguyễn Thị Uyên	Sa	6.2	8.3	6.9	6.9	0.0	0.0	0.0	5.8	6.0	0.0	5.3	8.4	6.5	0.0	0.0	5.2	0.0	6.2	6.0	7.4	0.0	5.2	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
122	152327129	Đoàn Thị	Trang	5.7	0.0	7.9	6.4	8.7	0.0	0.0	7.8	7.4	4.9	5.7	8.0	5.2	0.0	0.0	6.4	0.0	0.0	7.3	4.7	0.0	6.6	6.1	0.0	0.0	5.5	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

Có sai sót về điểm thì liên hệ thầy Phương: ĐT 0912636268 hoặc 0511.3650403 (108)
Email: phuongphamdng@gmail.com